

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 126/2023/DS-PT

Ngày: 18-7-2023

V/v “*Yêu cầu hủy văn bản công chứng và yêu cầu chia di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Th phân Hội đồng xét xử P **thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Th Tâm

Ông Nguyễn Văn Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLDS-PT ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “*Yêu cầu hủy văn bản công chứng và yêu cầu chia di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 99/2021/DS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số 297/2023/QĐ-PT ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn B, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thị H1 – Văn phòng luật sư Trần Thị H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1969; địa chỉ: B6/9A/6A ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Th phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Đặng Thị M D, sinh năm 1990; địa chỉ: B6/9A/6A ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Th phố Hồ

Chí Minh theo văn bản uỷ quyền ngày 15/7/2023.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn N**, sinh năm 1966; địa chỉ: MB/B xóm H, thôn TT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn LK, huyện LG, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn B, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng theo văn bản uỷ quyền ngày 10/6/2020.

3.2. Ông **Nguyễn Ch**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số SM, thôn R 2, xã PPS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974; địa chỉ: Số SB, thôn R 2, xã PPS, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Ông **Nguyễn P**, sinh năm 1991 và bà **Bé Thị Hồng N**, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm B, thôn BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Cháu **Nguyễn Ngọc Khánh N2**, sinh ngày 12/4/2012 và cháu **Nguyễn Quốc B**, sinh ngày 05/12/2016.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn P**, sinh năm 1991 và bà **Bé Thị Hồng N**, sinh năm 1993.

3.6. Bà **Nguyễn Thị Th1**, sinh năm 1969; địa chỉ: MB/B xóm H, thôn TT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng

3.7. **Văn phòng công chứng NĐT**; địa chỉ: Số 352 Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NĐT – Trưởng Văn phòng công chứng NĐT.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn N – Bị đơn

Kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/12/2021.

(bà H, bà D, bà Th, ông T, Luật sư H1 có mặt, ông N, ông Ch, đại diện Văn phòng công chứng NĐT có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI D V U Á N

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Cha của các bà là cụ Nguyễn E (sinh năm 1937 chết năm 2003), mẹ là cụ Phùng Thị M (*sinh năm 1935 chết tháng 3 năm 2019*). Cha mẹ các bà có 06 người con gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Ch, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn T. Ngoài ra không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Khi còn sống cha mẹ có tạo lập được một số tài sản là các diện tích đất tại Lâm Hà và Tân Hội, Đức Trọng. Khi cha bà còn sống cha bà đã chia đất tại Lâm

Hà cho ông T và ông Ch, còn ông N đã tự chiếm đoạt diện tích đất 3.000m² đất ruộng tại Tân Hội, Đức Trọng không thông qua anh chị em trong gia đình. Riêng 03 chị em gái là V, H, Th chưa được cha mẹ chia cho tài sản nào. Sau khi cha mẹ chết thì cha mẹ để lại khối tài sản là diện tích đất 5.221m² thuộc thửa đất số 472 (năm 2008 mẹ bà tách Th các thửa đất số 573, 574, 575), tờ bản đồ số 06 (299), Tân Hội, Đức Trọng. Trên đất có 01 căn nhà cấp 04 do cha mẹ bà xây dựng và sinh sống, không sống cùng các con, sau khi cha bà chết thì mẹ bà một mình sinh sống trên diện tích đất này. Khoảng tháng 6/2018 thì mẹ bà nằm viện thì cha con ông N tự ý làm thêm căn nhà bếp phía sau khoảng 50m² và phá vườn cà phê, ông N còn khoan 01 cái giếng phía sau nhà. Từ khi mẹ bà chết thì ông P con trai ông N là người sinh sống trên diện tích đất này cho đến nay. Diện tích đất này cha mẹ bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M. Ngoài di sản này thì cha mẹ bà không để lại di sản nào khác. Di sản là diện tích đất trên khi còn sống cha mẹ bà chưa cho bất kỳ ai. Khi chết cha mẹ bà cũng không để lại di chúc. Đối với việc ông N cho rằng mẹ bà có lập di chúc để lại cho ông N ½ quyền sử dụng đất là 200m² đất ở; 2.410,5m² đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996 thì các bà không hề hay biết việc này. Lúc này mẹ các bà không còn minh mẫn do tH xuyên đau bệnh, hai bà cho rằng di chúc này không hợp pháp.

Nay bà H và bà V yêu cầu hủy Di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyền số 42TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 5.138,2m² và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất 574, một phần các thửa 573, 575, cùng tờ bản đồ số 06 (299), xã Tân Hội, Đức Trọng tương ứng một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 12 (2013), xã Tân Hội, Đức Trọng. Yêu cầu chia đều khối di sản trên làm 06 phần cho 6 anh chị em trong gia đình mỗi người nhận một phần. Đối với căn nhà bố mẹ xây dựng thì bà yêu cầu ai được nhận phần diện tích đất nào mà trên đất có phần nhà thì người đó được nhận và không phải bồi lại giá trị nhà cho các bên. Riêng căn nhà bếp, giếng khoan, tháp nước, chuồng heo và các cây trồng trên đất do ông N và ông P xây dựng và trồng thì ông N ông P có trách nhiệm tự tháo dỡ và di dời cây trồng. Các bà không phải bồi tH vì ông N và ông P tự xây dựng và trồng mà không hỏi ý kiến các bà.

2. Bị đơn ông Nguyễn N trình bày:

Cha ông là cụ Nguyễn E (sinh năm 1937 chết năm 2003), mẹ ông là cụ Phùng Thị M (sinh năm 1935 chết tháng 3 năm 2019). Cha mẹ ông có 06 người con gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Ch, Nguyễn Thị

Th, Nguyễn Văn T. Ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Khi còn sống cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản gồm nhà và diện tích đất 5.221m², trong đó có 400m² đất ở, 4.821m² đất trồng màu thuộc thửa đất số 472 (được tách Th các thửa đất số 573, 574, 575), tờ bản đồ số 06 (299), Tân Hội, Đức Trọng, Lâm Đồng. Diện tích đất này cha mẹ ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M. Nguồn gốc diện tích đất trên là do cha ông khai phá. Trên đất có 01 căn nhà cấp 04 do cha mẹ ông xây dựng khoảng năm 1995, từ khi xây nhà thì cha mẹ ông ở trên diện tích đất này. Sau khi cha ông chết vào năm 2003 thì con trai ông là P đến sống cùng mẹ ông cho đến khi bà qua đời vào năm 2019. Khi con ông đến sống cùng mẹ ông, theo yêu cầu của mẹ ông thì vợ chồng ông có xây thêm căn nhà bếp nối liền với căn nhà cũ của cha mẹ ông có diện tích 32m² với tổng số tiền là 70.000.000đ, mướn máy móc cuốc phá vườn cà phê để chuyển đổi cây trồng hết 10.000.000đ; khoan 01 cái giếng và tháp nước để lấy nước tưới tiêu và sinh hoạt tổng cộng hết 35.000.000đ. Tổng cộng 115.000.000đ. Sau đó vào năm 2020 P là con trai ông có xây thêm 01 chuồng heo hết 15.000.000đ và trồng một số cây cóc, bơ, dừa. Hiện nay con trai ông vẫn đang sinh sống tại căn nhà trên diện tích đất nêu trên. Ngoài di sản là diện tích đất trên thì cha mẹ ông không còn di sản nào khác để lại. Khi chết cha ông không để lại di chúc. Còn mẹ ông có lập di chúc vào ngày 11/6/2018 tại Văn phòng công chứng NĐT là sau khi mẹ ông qua đời thì ½ quyền sử dụng đất cụ thể là 200m² đất ở; 2.410,5m² đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996 sẽ để lại cho ông. Khi lập di chúc thì mẹ ông tuy sức khỏe yếu vì bệnh Nng vẫn minh mẫn. Mẹ ông đã làm di chúc cho ông Nng ông chưa làm thủ tục sang tên đối với phần di sản mẹ ông di chúc cho ông. Hiện nay bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M ông đang giữ. Ông không thể chấp để vay vốn của bất kỳ cá nhân, tổ chức tín dụng nào.

Nay bà H và bà V yêu cầu hủy Di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 5.138,2m² và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất 574, một phần các thửa 573, 575, cùng tờ bản đồ số 06 (299), xã Tân Hội, Đức Trọng tương ứng một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 12 (2013), xã Tân Hội, Đức Trọng. Yêu cầu chia đều 06 phần cho 6 anh chị em trong gia đình mỗi người nhận một phần thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu công nhận di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng

công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyền số 42TP/CC-SCC/HĐGD vì mẹ ông đã di chúc cho ông, $\frac{1}{2}$ di sản còn lại của cha ông thì ông đồng ý chia đều cho 06 anh chị em trong gia đình.

Trước đây ông có yêu cầu các anh chị em trong nhà phải thối lại tiền mai táng phí của mẹ ông cho ông và yêu cầu chia giá trị các tài sản trên đất Nng nay ông không yêu cầu giải quyết đối với phần chi phí mai táng phí của mẹ ông nữa và ông không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản trên đất, ai được chia phần đất nào có nhà bố mẹ ông xây dựng và các công trình do ông xây dựng thì người đó được nhận và không phải thối lại giá trị cho các bên. Ông không yêu cầu bồi thH gì cho ông đối với các tài sản trên đất do vợ chồng ông xây dựng. Riêng tháp nước, giếng khoan, chuồng heo và một số cây trồng trên đất do vợ chồng con trai ông (P và N) xây dựng thì vợ chồng P N sẽ tự tháo dỡ và di dời. Ông không yêu cầu Tòa án xem xét công sức về việc gìn giữ, tôn tạo phần di sản thừa kế đang tranh chấp trong vụ án.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3. 1. Bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà thừa nhận về T điểm mở thừa kế và hàng thừa kế N lời trình bày của bà H và bà V, ông N là đúng. Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 5.221m² thuộc thửa đất số 472 (được tách Th các thửa đất số 573, 574, 575), tờ bản đồ số 06 (299), Tân Hội, Đức Trọng, Lâm Đồng. Trên đất có 01 căn nhà cấp 04 do cha mẹ bà xây dựng và cha mẹ bà sinh sống với nhau, không sống cùng các con. Sau khi cha bà chết thì mẹ bà một mình sinh sống trên diện tích đất này. Khoảng tháng 6/2018 thì mẹ bà nằm viện thì bố con ông N tự ý làm thêm căn nhà bếp phía sau khoảng 50m² và phá vườn cà phê của mẹ bà, ông N còn khoan 01 cái giếng phía sau nhà. Từ khi mẹ bà chết thì ông P con trai ông N là người sinh sống trên diện tích đất này cho đến nay. Diện tích đất này bố mẹ bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M. Ngoài di sản này thì cha mẹ bà không để lại di sản nào khác. Di sản là diện tích đất trên khi còn sống cha mẹ bà chưa cho bất kỳ ai. Khi chết cha mẹ bà cũng không để lại di chúc. Đối với việc ông N cho rằng mẹ bà có lập di chúc để lại cho ông N $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất là 200m² đất ở; 2.410,5m² đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996 thì bà không hề hay biết việc này. Lúc này mẹ bà không còn minh mẫn do tH xuyên đau bệnh, bà cho rằng di chúc này không hợp pháp.

Nay bà H và bà V yêu cầu hủy Di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyền số 42TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu chia di sản là diện tích đất 5.138,2m² và tài

sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 472 (được tách Th các thửa đất số 573, 574, 575) tờ bản đồ số 06 (299), Tân Hội, Đức Trọng. Yêu cầu chia đều khối di sản trên làm 06 phần cho 6 anh chị em trong gia đình mỗi người nhận một phần thì bà đồng ý.

3.2. Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận về T điểm mở thừa kế và hàng thừa kế N lời trình bày của bà H và bà V, ông N là đúng. Khi còn sống cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản gồm nhà và diện tích đất 5.221m², trong đó có 400m² đất ở, 4.821m² đất trồng màu thuộc thửa đất số 472 (được tách Th các thửa đất số 573, 574, 575), tờ bản đồ số 06 (299), Tân Hội, Đức Trọng. Diện tích đất này cha mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M. Nguồn gốc diện tích đất trên là do cha mẹ ông khai phá. Trên đất có 01 căn nhà cấp 04 do cha mẹ ông xây dựng khoảng năm 1995, từ khi xây nhà thì cha mẹ ông ở trên diện tích đất này đến khi cha ông chết thì mẹ ông sống một mình, sau đó thì do mẹ ông già yếu nên con trai ông N là P đến sống cùng mẹ ông. Hiện nay con trai ông N vẫn đang sinh sống tại căn nhà trên diện tích đất nêu trên. Ngoài di sản là diện tích đất trên thì cha mẹ ông không còn di sản nào khác để lại. Khi chết cha mẹ ông có để lại di chúc hay không thì ông không biết việc này. Còn việc bà H và bà V cho rằng lúc này mẹ ông không còn minh mẫn do tH xuyên đau bệnh, cho rằng di chúc này không hợp pháp thì ông chỉ thấy lúc đó mẹ ông sức khỏe yếu còn minh mẫn hay không thì theo bệnh án của bác sỹ ông không rõ.

Nay bà H và bà V yêu cầu hủy Di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyền số 42TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 5.138,2m² và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất 574, một phần các thửa 573, 575, cùng tờ bản đồ số 06 (299), xã Tân Hội, Đức Trọng tương ứng một phần thừa số 84, tờ bản đồ số 12 (2013), xã Tân Hội, Đức Trọng. Yêu cầu chia đều khối di sản trên làm 06 phần cho 6 anh chị em trong gia đình mỗi người nhận một phần thì ông không có ý kiến yêu cầu gì, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.3. Ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Ông thừa nhận về T điểm mở thừa kế và hàng thừa kế N lời trình bày của bà H và bà V, ông N là đúng. Khi còn sống cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản gồm nhà và diện tích đất 5.221m², trong đó có 400m² đất ở, 4.821m² đất trồng màu thuộc thửa đất số 472 (được tách Th các thửa đất số 573, 574, 575), tờ bản đồ số 06 (299), Tân Hội, Đức Trọng. Diện tích đất này cha mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M. Nguồn gốc diện tích đất trên là do cha mẹ ông khai phá. Trên đất có 01 căn

nhà cấp 04 do cha mẹ xây dựng khoảng năm 1995, từ khi xây nhà thì cha mẹ ông ở trên diện tích đất này đến khi cha ông chết thì mẹ ông sống một mình. Sau đó thì do mẹ ông già yếu nên con trai ông N là P đến sống cùng bà. Hiện nay con trai ông N vẫn đang sinh sống tại căn nhà trên diện tích đất nêu trên. Ngoài di sản là diện tích đất trên thì cha mẹ ông không còn di sản nào khác để lại. Khi chết cha ông không để lại di chúc. Còn mẹ ông có lập Di chúc vào ngày 11/6/2018 tại Văn phòng công chứng NĐT là sau khi mẹ ông qua đời thì $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất cụ thể là 200m² đất ở; 2.410,5m² đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996 là sẽ để lại cho ông N. Khi lập di chúc cho ông N phần diện tích đất trên thì mẹ ông tuy sức khỏe yếu do bệnh Nng vẫn còn minh mẫn.

Nay bà H và bà V yêu cầu hủy Di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 5.138,2m² và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất 574, một phần các thửa 573, 575, cùng tờ bản đồ số 06(299), xã Tân Hội, Đức Trọng tương ứng một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 12(2013), xã Tân Hội, Đức Trọng. Yêu cầu chia đều Th 06 phần cho 6 anh chị em trong gia đình mỗi người nhận một phần thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu công nhận di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD mà mẹ ông đã di chúc để lại cho ông N, $\frac{1}{2}$ di sản còn lại thì ông đồng ý chia đều cho 06 anh chị em trong gia đình.

3.4. Ông Nguyễn P và bà Bé Thị Hồng N trình bày:

Ông là con trai của ông N, hiện nay vợ chồng ông và hai con tên Nguyễn Ngọc Khánh N2, sinh ngày 12/4/2012 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016 đang sinh sống trên diện tích nhà và đất của ông bà nội là cụ E và cụ M mà các cô và bố ông đang tranh chấp. Vợ chồng ông bà và các con chỉ ở trên đất để trông coi nhà cửa cho ông bà, vợ chồng ông đang trồng cây ngắn ngày trên đất. Trong quá trình ở trên diện tích đất này thì vợ chồng ông có xây dựng thêm tháp nước, giếng khoan, xây chuồng heo và trồng một số cây trồng N cóc, dưa, bơ.

Nay các cô và bố ông tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế là nhà và đất 5.138,2m² và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất 574, một phần các thửa 573, 575, cùng tờ bản đồ số 06(299), xã Tân Hội, Đức Trọng tương ứng một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 12(2013), xã Tân Hội, Đức Trọng thì vợ chồng ông có ý kiến N sau: Vợ chồng ông và các con chỉ ở nhờ trên nhà và đất này nếu sau này Tòa án có xét xử chia cho ai được nhận nhà và đất nêu trên thì vợ chồng ông và các con ông sẽ có trách N2ệm trả lại nhà và đất nêu trên. Đối với các công trình

do ông bà xây dựng thì ông bà sẽ tự tháo dỡ và di dời, ông bà không yêu cầu các bên bồi tH gì. Ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét công sức về việc gìn giữ, tôn tạo phần di sản thừa kế đang tranh chấp trong vụ án.

5. Bà Nguyễn Thị Th1 (vợ ông N) trình bày:

Bà là vợ ông N. Bà xác định lời trình bày nêu trên của ông N là đúng. Cha mẹ chồng bà có 01 mảnh đất diện tích là 5.221m² tại thôn Ba Cản, xã Tân Hội, Đức Trọng. Cha chồng bà qua đời năm 2003, chỉ còn mẹ chồng bà và cháu P sống ở đó vì căn nhà bếp quá chật chội nên mẹ chồng bà có yêu cầu làm và xây thêm căn nhà bếp là khoảng 30m², số tiền xây là 70.000.000đ. Ở khu đó mùa nắng không có nước uống nên làm theo yêu cầu của mẹ chồng bà là khoan cái giếng và làm tháp nước hết 35.000.000đ và có trồng 01 số cây trồng trên đất. Theo ý kiến của bà thì anh chị em đang tranh chấp đất đai tại Tòa án huyện Đức Trọng đòi chia đất thì bà không có ý kiến gì về phần đất đai, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Còn đối với các tài sản trên đất do vợ chồng bà bỏ tiền ra làm thì bà không tranh chấp và không yêu cầu các bên bồi lại giá trị các tài sản này cho bà.

6. Văn phòng công chứng NĐT trình bày:

Vào ngày 11/6/2018 văn phòng công chứng NĐT nhận được yêu cầu của bà Phùng Thị M về việc công chứng di chúc đối với một phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Tân Hội, Đức Trọng, Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996. Sau khi nhận được yêu cầu, văn phòng công chứng đã thụ lý hồ sơ và được công chứng viên tiến hành kiểm tra toàn bộ hồ sơ có liên quan. Qua kiểm tra nhận thấy, hồ sơ người yêu cầu công chứng cung cấp gồm có: Đầy đủ giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của người yêu cầu lập di chúc là bà Phùng Thị M, ông Nguyễn N (người được nhận di sản theo di chúc) và người làm chứng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996 mang tên Phùng Thị M. Nhận thấy hồ sơ cung cấp hợp lệ, cùng ngày 11/6/2018 văn phòng công chứng đã tiến hành công chứng di chúc, số công chứng, quyền số 42TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/20218 của bà Phùng Thị M. Việc Văn phòng công chứng NĐT công chứng di chúc nêu trên là đúng quy định trình tự thủ tục quy định tại điều 40, 41 Luật công chứng năm 2014, Bộ luật Dân sự và pháp luật có liên quan. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải Nng không Th.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 99/2021/DS-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy văn bản công chứng là di chúc lập ngày 11/6/2018 do Văn phòng Công chứng NĐT công chứng, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn E và cụ Phùng Thị M theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn N về yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 11/6/2018 do Văn phòng Công chứng NĐT công chứng, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD.

Hủy toàn bộ di chúc lập ngày 11/6/2018 do Văn phòng Công chứng NĐT công chứng, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD.

- Xác định hàng thừa kế của cụ E, cụ M gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ch.

- Xác định di sản do cụ E, cụ M để lại gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 cũ, 01 giếng đào nằm trên diện tích đất 5.138,2m² thuộc các thửa đất số 573, 574, 575, tờ bản đồ số 06(299), xã Tân Hội, Đức Trọng.

Chia cụ thể N sau:

- Bà Nguyễn Thị H được nhận vị trí A diện tích 853,2m² (có diện tích 7,4m² thuộc lộ giới được công nhận; trong đó: diện tích 66,6m² đất ở, diện tích 786,6m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa 573, tờ bản đồ số 06 (299) xã Tân Hội, Đức Trọng.

- Bà Nguyễn Thị V được nhận vị trí B diện tích 855,6m² (có diện tích 7,5m² thuộc lộ giới được công nhận; trong đó: diện tích 66,6m² đất ở, diện tích 789m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 573 và một phần thửa 574, tờ bản đồ số 06 (299) xã Tân Hội, Đức Trọng.

- Bà Nguyễn Thị Th được nhận vị trí C diện tích 854,5m² (có diện tích 7,8m² thuộc lộ giới được công nhận; trong đó: diện tích 66,6m² đất ở, diện tích 787,9m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 573 và một phần thửa 574, tờ bản đồ số 06 (299) xã Tân Hội, Đức Trọng.

- Ông Nguyễn N được nhận vị trí D diện tích 861,8m² (có diện tích 8,8m² thuộc lộ giới được công nhận); (trong đó: diện tích 66,6m² đất ở, diện tích 795,2m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 573, một phần thửa 574 và một phần thửa 575, tờ bản đồ số 06(299) xã Tân Hội, Đức Trọng.

- Ông Nguyễn Ch được nhận vị trí E diện tích 855,4m² (có diện tích 10,9m² thuộc lộ giới được công nhận); (trong đó: diện tích 66,6m² đất ở, diện tích 788,8m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 574 và một phần thửa 575, tờ bản đồ số 06 (299) xã Tân Hội, Đức Trọng.

- Ông Nguyễn Văn T được nhận vị trí F diện tích 857,7m² (có diện tích 13m² thuộc lộ giới được công nhận); (trong đó: diện tích 67m² đất ở, diện tích 790,7m² đất trồng cây hàng năm khác, thuộc một phần thửa 575, tờ bản đồ số 06 (299) xã Tân Hội, Đức Trọng. (Có họa đồ lô đất kèm theo)

Đối với căn nhà cấp 4 do cụ E và cụ M xây dựng và căn nhà bếp cấp 4 do vợ chồng ông N xây dựng và 01 giếng đào, giếng khoan các bên đương sự thống nhất bên nào được nhận phần đất trên đất có phần nhà và giếng thì bên đó được nhận mà không phải thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các bên kia.

Đối phần chuồng heo, tháp nước máy bơm nước giếng khoan và các cây trồng nằm trên phần đất do vợ chồng ông P bà N bỏ tiền ra xây dựng và trồng. Vợ chồng ông P bà N có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời. Vợ chồng ông P, bà N và hai con của ông P, bà N có nghĩa vụ trả lại toàn bộ diện tích đất và nhà nêu trên mà các bên đương sự được nhận không phải bồi tH.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/12/2021, bị đơn ông Nguyễn N kháng cáo toàn bộ nội D bản án sơ thẩm.

Ngày 27/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng có Quyết định kháng nghị Pc thẩm số 03/QĐKN-VKS-DS với nội D: Đề nghị Tòa án cấp Pc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định di chúc lập ngày 11/6/2018 tại Văn phòng công chứng NĐT của cụ Phạm Thị M là hợp pháp. Xác định di sản của cụ E là ½ nhà và quyền sử dụng đất 5.138,2m² thuộc thửa đất số 472, tờ bản đồ số 06 xã Tân Hội, huyện Đức Trọng. Do cụ E chết không để lại di chúc nên chia di sản theo pháp luật, chia Th 05 phần.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn N: Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N. Ông N được nhận ½ quyền sử dụng đất diện tích 5.138,2m² thuộc thửa đất số 472, tờ bản đồ số 06 xã Tân Hội, huyện Đức Trọng là di sản cụ M để lại.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến: Ông đồng ý với kết quả đo đạc hiện trạng ngày 10/10/2022 kèm theo là họa đồ phân chia tài sản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đức Trọng. Ông đồng ý nhận diện tích đất có vị trí thửa F/2.521,2m² theo họa đồ phân chia tài sản.

Các đồng thừa kế khác đồng ý với kết quả đo đạc hiện trạng ngày 10/10/2022 kèm theo là họa đồ phân chia tài sản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Trọng, đồng ý với ý kiến của ông N và tự thỏa thuận N sau; Bà H nhận diện tích đất ở vị trí thửa A (504,6m²), bà V được nhận diện tích

đất ở vị trí thửa B (504,5m²), bà Th được nhận diện tích đất ở vị trí C (504,3m²), ông T được nhận diện tích đất ở vị trí thửa D (504,1m²), ông Ch nhận được diện tích đất ở vị trí thửa E (504,3m²), ông N nhận phần đất có vị trí thửa F/2.521,2m² theo hoạ đồ phân chia tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn Pc thẩm cũng N phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử Pc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng T, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N; căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chia di sản theo thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

[1.1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng; Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N. Thủ tục kháng nghị, kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thủ tục Pc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa Pc thẩm ông N, ông Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P, bà N, cháu N2, cháu B, bà Th1, Văn phòng công chứng NĐT vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa Pc thẩm theo quy định.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà H và bà V có đơn yêu cầu hủy di chúc ghi ngày 11/6/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng NĐT và yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 5.138,2m². Bị đơn ông Nguyễn N không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu hủy văn bản công chứng và yêu cầu chia di sản thừa kế*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn N và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng thì thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cụ Nguyễn E chết ngày 12/6/2003, cụ Phùng Thị M chết ngày 30/3/2019. Giữa cụ E và cụ M có 06 người con Ch gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Ch, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn T. Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Tài sản cụ E và cụ M tạo lập được trong quá trình chung sống được xác định: Vào năm 1987 cụ E và cụ M có khai phá được 5.221m² đất (*trong đó*

400m² đất ở; 4.821m² đất trồng màu). Trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4. Ngày 09/12/1995 cụ M đi đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/12/1996 được Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Thị M. Ngày 26/12/2007 cụ M có đơn xin tách Th 03 thửa đất 573, 574, 575, tờ bản đồ số 6 (299), xã Tân Hội, Đức Trọng. Năm 2003 cụ E chết không để lại Di chúc, đến năm 2019 cụ M chết có để lại Di chúc. Do đó xác định phần di sản của cụ E là 200m² đất ở; 2.410,5m² đất trồng cây hàng năm và phần di sản của cụ M là 200m² đất ở; 2.410,5m² đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996. Đối với căn nhà cấp 4 cũ và 01 giếng đào được xây dựng trên đất là di sản của cụ E và cụ M.

Về hàng thừa kế: Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ E có 07 người gồm: Cụ M, bà H, bà V, bà Th, ông N, ông Ch, ông T và xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ E và cụ M gồm có 06 người gồm: bà H, ông N, bà V, ông Ch, bà Th, ông T.

Ngày 11/6/2018 cụ M lập di chúc để lại quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của cụ cho ông Nguyễn N, cụ thể là 200m² đất ở nông thôn và 2.410.5m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 166263 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp ngày 06/12/1996 cho ông N và đã được Văn phòng công chứng NĐT công chứng.

[2.2] Xét tính hợp pháp của di chúc: Cụ M lập di chúc định đoạt phần tài sản ½ quyền sử dụng đất có trong T kỳ hôn nhân với ông Nguyễn E. Năm 2003 cụ E chết, chưa chia thừa kế. Di sản cụ E để lại chưa chia, do đó cụ M còn được hưởng một phần di sản mà cụ E để lại. Việc cụ M tách quyền sử dụng đất 5.221m² thuộc một phần thửa 472 Th 03 thửa 572, 573, 574 tờ bản đồ số 06 không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của các đồng thừa kế. Hơn nữa, khi lập di chúc, cụ M chỉ định đoạt phần tài sản của mình trong khối tài sản chung với cụ E nên chưa xâm phạm đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và cho rằng di chúc của cụ M được lập không hoàn toàn tự nguyện và đã thay đổi ý kiến do trước đó vào năm 2018 cụ M đã có đơn khởi kiện yêu cầu xác định tài sản thuộc sở hữu chung và yêu cầu chia thừa kế. Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã thụ lý vụ án số 135/2018/TLST-DS ngày 01/6/2018. Ngày 11/6/2018 cụ M lập di chúc để lại ½ tài sản là diện tích đất cho ông N. Đến ngày 25/7/2018 cụ M rút đơn khởi kiện, Tòa án ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 55/2018/QĐST-DS ngày 25/7/2018. Nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là không chính xác, bởi lẽ cụ M được quyền

thay đổi, rút đơn khởi kiện bất kỳ lúc nào và di chúc được lập chỉ định đoạt phần tài sản của cụ.

Nguyên đơn cho rằng người làm chứng trong bản di chúc không khách quan, chứng minh nhân dân của cụ M đã hết hạn, cụ M có N2ều bệnh về tim, phổi, cụ không biết chữ nên không có khả năng đọc, hiểu văn bản và đề nghị hủy văn bản công chứng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là các bảng kê chi phí các lần cụ M điều trị bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng từ ngày 07/02/2017 đến 13/02/2017. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngày lập di chúc 11/6/2018 không trùng với các ngày cụ M nằm viện và bệnh của cụ chủ yếu liên quan đến tim, phổi chứ không liên quan đến hệ thần kinh. Ngoài các hóa đơn điều trị bệnh, nguyên đơn cũng không cung cấp được thêm bất kì tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cụ M bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do đó chưa đủ căn cứ để xác định khi lập di chúc cụ M không minh mẫn.

[2.3] Đối với giấy chứng minh nhân dân của cụ M: Ngày 11/6/2018 cụ M lập di chúc, đây là giao dịch dân sự, là hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Khi lập di chúc, cụ M có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự N có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội D của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Di chúc cụ M không thuộc các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu quy định tại các Điều 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130 Bộ luật Dân sự.

Đồng T theo Điều 22 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 quy định về bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì không có quy định giấy Chứng minh nhân dân hết hạn thuộc một trong các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản được dùng làm cơ sở chứng thực bản sao. Do vậy, trường hợp sử dụng giấy Chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng thì không có giá trị chứng minh nhân thân khi giao dịch tuy N2ên nếu vẫn đảm bảo về chủ thể giao kết thì không ảnh hưởng đến việc ký kết các giao dịch dân sự và sẽ không bị coi là vô hiệu.

[2.4] Khi cụ M đến Văn phòng công chứng cùng 02 người làm chứng là ông Phan Minh Cảnh và ông Bé Ngọc Đếm lập văn bản di chúc thì lúc này cụ M đã 83 tuổi. Khả năng đọc, viết của cụ có phần hạn chế nên cụ M không thể tự mình viết bản di chúc, do đó Công chứng viên đã đánh máy nội D bản Di chúc. Tại bản Di chúc ngày 11/6/2018 hai người làm chứng đã xác nhận *“Chúng tôi đã chứng kiến công chứng viên đọc và giải thích nội D của bản di chúc này cho bà Phùng Thị M nghe, bà M đã hiểu rõ và đồng ý”*. 02 người làm chứng đứng

theo quy định tại Điều 632, 634 Bộ luật Dân sự năm 2015. Người làm chứng đã xác nhận cụ M được công chứng viên đọc và giải thích rõ nội D di chúc là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Mặc dù cụ M không biết chữ Nng nội D di chúc đã được đọc lại trước sự chứng kiến của 02 người làm chứng và cụ M nghe, kí và điểm chỉ nên di chúc là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đối với người làm chứng ông Bé Ngọc Đếm là cha ruột của bà Bé Thị Hồng N là con dâu của ông N và hiện tại bà N đang ở trên diện tích đất và nhà là tài sản tranh chấp trong vụ án. Tuy N2ên việc người làm chứng chỉ chứng kiến việc công chứng viên đọc thông qua bản di chúc và giải thích cho cho cụ M được nghe. Người làm chứng đã xác nhận và kí tên tại bản di chúc nên việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng người làm chứng trong di chúc này không hiểu nội D mình làm chứng cụ thể N thế nào là chưa phù hợp.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định di chúc của cụ Phùng Thị M lập tại Văn phòng công chứng NĐT ngày 11/6/2018 đảm bảo quy định tại các Điều 625, 626, 627, 630, 631, 632, 634 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được công nhận.

[3] Tại phiên tòa các bên thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế cụ thể N sau: Thống nhất lấy họa đồ đo đạc hiện trạng lập ngày 10/10/2022 và đính kèm họa đồ phân chia tài sản chi tiết do các đương sự thỏa thuận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Trọng. Thừa đất được chia cho 6 người; bà H nhận diện tích đất ký hiệu thửa A/504,6m² (49,2m² ONT, 455,4m² HNK); bà V nhận diện tích đất ký hiệu thửa B/504,5m² (57,4m² ONT, 447,1m² HNK); bà Th nhận diện tích đất ký hiệu thửa C/504,3m² (58,1m² ONT, 446,2m² HNK), ông T nhận diện tích đất ký hiệu thửa D/504,1m² (59,7m² ONT, 444,4m² HNK), ông Ch nhận diện tích đất ký hiệu thửa E/504,3m² (59,3m² ONT, 445m² HNK), ông N nhận diện tích đất ký hiệu thửa F/2.521,2m² (116,3m² ONT, 2.404,9m² HNK); tất cả các thửa đất trên đều thuộc tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, Đức Trọng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3.1] Đối với căn nhà cấp 4 do cụ E và cụ M xây dựng và căn nhà bếp cấp 4 do vợ chồng ông N xây dựng và 01 giếng đào, giếng khoan các bên đương sự thống nhất phần nhà và giếng nằm trên phần đất của ai thì người đó được nhận và không phải thanh toán giá trị.

[3.2] Đối với phần chuồng heo, tháp nước, máy bơm nước, giếng khoan và các cây trồng nằm trên phần đất do vợ chồng ông P, bà N bỏ tiền ra xây dựng và trồng. Vợ chồng ông P, bà N có nghĩa vụ tự tháo dỡ, di dời để trả lại toàn bộ diện tích đất cho những người được chia di sản thừa kế.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3.3] Về chi phí tố tụng: Các chi phí thẩm định, đo vẽ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Bà H đã tạm nộp số tiền 30.300.000đ và ông N đã tạm nộp 4.848.000đ nên các đồng thừa kế phải thanh toán lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho bà H và ông N. Cụ thể: Buộc bà V, bà Th, ông N, ông Ch, ông T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H số tiền 5.050.000đ chi phí đo vẽ và thẩm định giá. Riêng khoản tiền chi phí tố tụng bà H không yêu cầu ông N thanh toán mà nhận chịu nên ghi nhận.

Buộc bà V, bà Th, bà H, ông Ch, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền 808.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ lại diện tích đất tranh chấp.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí Pc thẩm. Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương đương với giá trị tài sản được chia. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ quốc hội. Miễn toàn bộ án phí đối với bà H.

Theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai về giá trị quyền sử dụng đất có giá N sau: Đất ONT có giá 800.000đ/m², đất HNK có giá 550.000đ/m². Do đó, bà V phải chịu 14.491.250đ án phí dân sự sơ thẩm; bà Th phải chịu 14.594.500đ án phí dân sự sơ thẩm; ông T phải chịu 14.609.000đ án phí dân sự sơ thẩm; ông Ch phải chịu 14.609.500đ án phí dân sự sơ thẩm; ông N phải chịu 54.472.000đ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 300 và khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn N, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng.

Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 99/2021/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự N sau:

1. Xác định Di chúc lập ngày 11/6/2018 do Văn phòng Công chứng NĐT công chứng, số công chứng 5310, quyển số 42TP/CC-SCC/HĐGD của cụ Phùng Thị M là hợp pháp.

1.1. Bà Nguyễn Thị H được nhận diện tích đất ký hiệu thửa A/504,6m² (49,2m² ONT, 455,4m² HNK) tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bà Nguyễn Thị V được nhận diện tích đất ký hiệu thửa B/504,5m² (57,4m² ONT, 447,1m² HNK) tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Bà Nguyễn Thị Th được nhận diện tích đất ký hiệu thửa C/504,3m² (58,1m² ONT, 446,2m² HNK) tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

1.4. Ông Nguyễn Văn T được nhận diện tích đất ký hiệu thửa D/504,1m² (59,7m² ONT, 444,4m² HNK) tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

1.5. Ông Nguyễn Ch được nhận diện tích đất ký hiệu thửa E/504,3m² (59,3m² ONT, 445m² HNK) tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

1.6. Ông Nguyễn N được nhận diện tích đất ký hiệu thửa F/2.521,2m² (116,3m² ONT, 2.404,9m² HNK) tờ bản đồ 06 (299), xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

(Đính kèm hoạ đồ đo đạc hiện trạng ngày 10/10/2022 và hoạ đồ phân chia tài sản đã phân chia diện tích đất tranh chấp Th 6 phần tương ứng với các thửa A, B, C, D, E, F của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Trọng).

2. Đối với căn nhà cấp 4 do cụ E và cụ M xây dựng và căn nhà bếp cấp 4 do vợ chồng ông N xây dựng và 01 giếng đào, giếng khoan các bên đương sự thống nhất bên nào được nhận phần đất trên đất có phần nhà và giếng thì bên đó được nhận mà không phải thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các bên kia.

3. Đối với chuồng heo, tháp nước, máy bơm nước, giếng khoan và các cây trồng nằm trên phần đất do vợ chồng ông P, bà N xây dựng và trồng. Vợ chồng ông P, bà N có nghĩa vụ tự tháo dỡ, di dời. Vợ chồng ông P, bà N và hai con của ông P, bà N có nghĩa vụ trả lại toàn bộ diện tích đất và nhà nêu trên mà các bên đương sự được nhận không phải bồi tH.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà V, bà Th, ông Ch, ông T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà H số tiền 5.050.000đ (*năm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) chi phí đo vẽ và thẩm định giá. Buộc bà H, bà V, bà Th, ông Ch, ông T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông N số tiền 808.000đ (*tám trăm lẻ tám ngàn đồng*) chi phí đo vẽ.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Hoàn trả cho bà H số tiền 2.083.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0013746 ngày 16/9/2019 và số tiền 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0000954 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Buộc ông N phải nộp 54.472.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Nng được trừ vào số tiền 16.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0019973 ngày 16/3/2020 và 300.000đ theo biên lai thu số 0007941 ngày 05/01/2022 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Ông N phải nộp số tiền 38.172.000đ (*Ba mươi tám triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) còn thiếu.

Bà V phải nộp 14.491.250đ án phí dân sự sơ thẩm Nng được trừ vào số tiền 2.083.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0013747 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà V phải nộp số tiền 12.408.250đ (*Mười hai triệu, bốn trăm lẻ tám ngàn, hai trăm năm mươi đồng*) còn thiếu.

Bà Th phải nộp 14.594.500đ (*Mười bốn triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải nộp 14.609.000đ (*Mười bốn triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Ông Ch phải nộp 14.609.500đ (*Mười bốn triệu sáu trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Đức Trọng (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân